Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018 ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường mầm non Đặng Xá
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia lâm, ngày 05 Tháng 1 năm 2021

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV/2020

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Trường mầm non Đặng Xá công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý IV/2020 như

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý IV/2020	Ước thực hiện/Dự toán Quý IV/2020 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý IV/2020 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	***407,250,000***	*147,425,000*		
I	**Số thu phí, lệ phí**				
1	Lệ phí	407,250,000	147,425,000		
	Lệ phí…				
	Lệ phí…				
2	Phí				
	Phí …				
	Phí …				
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**407,250,000**	147,425,000		
1	***Chi sự nghiệp……..***	407,250,000	147,425,000		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	***Chi quản lý hành chính***				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**				
1	***Lệ phí***				
	Lệ phí…				
	Lệ phí…				
2	Phí				
	Phí …				
	Phí …				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**5,391,000,000**	**2,902,907,369**	**54**	**115**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**5,391,000,000**	**2,902,907,369**	**54**	**115**
1	**Chi quản lý hành chính**				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				

Scanned with CamScanner

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý IV/2020	Ước thực hiện/Dự toán Quý IV/2020 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý IV/2020 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**5,391,000,000**	**2,902,907,369**	*54%*	*115*
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	**4,833,000,000**	**1,263,379,506**	*26%*	*108*
	Chi thanh toán cá nhân		*1,110,029,104*		*124*
	Chè nước CBCC	*3,947,521,520*			*0*
	Thanh toán dịch vụ công cộng		*58,799,057*		*15*
	Vật tư văn phòng	272,000,000	*0*	*0%*	*0*
	Thông tin liên lạc	183,480,000	*6,026,345*	*3%*	*0*
	Hội nghị	54,000,000		*0%*	
	Thanh toán công tác phí	23,200,000	*7,200,000*	*31%*	*100*
	Chi phí thuê mướn	28,800,000	*37,490,000*	*130%*	
	Sửa chữa TX TSCĐ	48,000,000			
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	30,840,000	*43,835,000*	*142%*	*98*
	Chi mua sắm TSCĐ	245,158,480			*85*
	Chi khác	0			*0*
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		**1,639,527,863**		
*	Nguồn không thường xuyên	**558,000,000**		*0%*	
	KP tiết kiệm 10%	**0**			*122*
	Chi thanh toán cá nhân		*130,184,851*		*100*
	Vật tư văn phòng	50,000,000	*20,000,000*	*40%*	
	Thông tin liên lạc		*30,322,000*		
	Chi phí thuê mướn		*24,830,000*		
	Sửa chữa TX TSCĐ		*331,206,000*		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	508,000,000	*693,465,012*		*105*
	Chi mua sắm TSCĐ		*144,000,000*		
	Chi khác		*265,520,000*		*100*
*	Cải cách tiền lương không tự chủ				
	Thanh toán cá nhân				
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	**Chi bảo đảm xã hội**				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	**Chi hoạt động kinh tế**				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				

Scanned with CamScanner

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý IV/2020	Ước thực hiện/Dự toán Quý IV/2020 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý IV/2020 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	**Nguồn vốn viện trợ**				
1	**Chi quản lý hành chính**				
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				
5	**Chi bảo đảm xã hội**				
6	**Chi hoạt động kinh tế**				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**				
1	**Chi quản lý hành chính**				
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				
5	**Chi bảo đảm xã hội**				
6	**Chi hoạt động kinh tế**				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				

Ngày 05 tháng 1 năm2021

Thủ trưởng đơn vị

Scanned with CamScanner